

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: .../20.../QH15

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 202...

DỰ KIẾN ĐỀ CƯƠNG
CHI TIẾT

LUẬT
THỦ ĐÔ

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Thủ đô.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012: “Luật này quy định vị trí, vai trò của Thủ đô; chính sách, trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.”

- Bổ sung phạm vi điều chỉnh của Luật về vấn đề: tổ chức chính quyền thành phố Hà Nội, chính sách liên kết, phát triển Vùng Thủ đô; nguyên tắc áp dụng pháp luật.

Điều 2. Vị trí, vai trò của Thủ đô

Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012:

“1. Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.

2. Thủ đô là trung tâm **đầu não** chính trị - hành chính quốc gia, nơi đặt trụ sở của các cơ quan trung ương của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế; là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế của cả nước.

3. Trụ sở cơ quan trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ đặt tại khu vực Ba Đình thành phố Hà Nội.”

Điều 3. Áp dụng Luật Thủ đô

Bổ sung mới nguyên tắc áp dụng Luật Thủ đô:

1. Trường hợp Luật này và luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật này có hiệu lực quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì việc áp dụng pháp luật được thực hiện theo quy định cụ thể tại luật, nghị quyết đó.

2. Trường hợp luật, nghị quyết khác của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc quy định có lợi hơn quy định của Luật Thủ đô thì việc áp dụng do Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

- Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012:

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Vùng Thủ đô* gồm **Thủ đô** Hà Nội và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lân cận do Chính phủ quyết định.

- *Bổ sung mới các thuật ngữ*:

2. *Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát* là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi không gian và thời gian hoặc đối tượng tham gia; trong đó, các đối tượng tham gia có thể thử nghiệm các giải pháp sản xuất, đầu tư, kinh doanh theo quy định của được ban hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. *Nhà đầu tư chiến lược* là nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị, nắm giữ công nghệ nguồn/hoặc đi đầu trong lĩnh vực công nghệ, có cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Thủ đô và có dự án đầu tư có quy mô lớn hoặc dự án có tính chất đặc biệt về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ được thực hiện tại Thủ đô.

4. *Phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD)* là mô hình phát triển đô thị theo hướng sử dụng tối ưu hóa diện tích đất đô thị và khoảng cách di chuyển tiếp cận đến các phương tiện giao thông công cộng.

5. *Vùng phát thải thấp (LEZ)* là một khu vực được xác định nơi một số loại hình sản xuất, kinh doanh, phương tiện giao thông, công trình xây dựng có khả năng gây ô nhiễm bị hạn chế hoạt động, hoặc phải đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn về môi trường cao hơn so với quy định chung nhằm mục đích cải thiện chất lượng môi trường.

6. *Khu vực nội đô lịch sử* gồm các quận Ba Đình, Hoàn Kiếm, Hai Bà Trưng, Đống Đa.

7. *Đô thị trung tâm* gồm Khu vực nội đô lịch sử và các quận có ranh giới tiếp giáp, liên tục với Khu vực nội đô lịch sử.

8. *Đô thị vệ tinh* gồm các quận, phường, thị trấn không tiếp giáp với Đô thị trung tâm.

9. *Nông nghiệp sinh thái* là phương pháp tiếp cận tổng hợp, áp dụng đồng thời các khái niệm và nguyên tắc về sinh thái và xã hội để xây dựng và quản trị các hệ thống nông nghiệp và thực phẩm. Trong khi tối ưu hoá các mối tương tác giữa thực vật, động vật, con người và môi trường, các yếu tố xã hội cũng được xem xét để hướng tới một hệ thống thực phẩm bình đẳng và bền vững.

10. *Khu thúc đẩy thương mại, văn hoá (BID)* là khu vực tập trung các hoạt động dịch vụ, thương mại với các điều kiện về an ninh trật tự, bảo vệ môi trường cao hơn các điều kiện thông thường để thu hút du lịch, thúc đẩy các hoạt động thương mại trên địa bàn, cải thiện đời sống dân cư, bảo tồn các ngành nghề truyền thống. Khu thúc đẩy thương mại, văn hoá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt dựa trên đề xuất của cộng đồng dân cư, doanh nghiệp trên địa bàn.

11. *Công nghiệp văn hoá* bao gồm các ngành công nghiệp: du lịch văn hóa, quảng cáo, kiến trúc, phần mềm và các trò chơi giải trí, thủ công mỹ nghệ, thiết kế, điện ảnh, xuất bản, thời trang, nghệ thuật biểu diễn, mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm, truyền hình và phát thanh, du lịch văn hóa.

12. *Khởi nghiệp sáng tạo* là hoạt động sản xuất, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh về quy mô khách hàng, doanh thu, lợi nhuận, có thể đem lại các giá trị to lớn, đóng góp cho sự phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

13. *Doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo* là doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

Điều 5. Trách nhiệm xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô

Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012:

1. Xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp chính quyền và nhân dân thành phố Hà Nội; là trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, các lực lượng vũ trang và Nhân dân cả nước.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên động viên mọi tầng lớp nhân dân trong nước, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

3. Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách thu hút các nguồn lực để phát huy tiềm năng, thế mạnh của Thủ đô, Vùng Thủ đô xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô.

Điều 6. Biểu tượng của Thủ đô

- Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012:

1. Biểu tượng của Thủ đô là hình ảnh Khuê Văn Các tại Văn Miếu - Quốc Tử Giám.

- Bổ sung mới:

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể về kích thước, màu sắc, kiểu dáng, việc sử dụng biểu tượng của Thủ đô.

Điều 7. Danh hiệu Công dân Thủ đô

- Kế thừa Luật Thủ đô năm 2012:

1. Danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô được trao tặng cho người nước ngoài có đóng góp trong việc xây dựng, phát triển và bảo vệ Thủ đô hoặc trong việc mở rộng, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, quan hệ hợp tác quốc tế của Thủ đô.

- Bổ sung mới danh hiệu công dân ưu tú Thủ đô:

2. Danh hiệu Công dân ưu tú Thủ đô được trao tặng cho công dân Việt Nam đang sinh sống, học tập, làm việc, đầu tư trên địa bàn Thủ đô, có thành tích đặc biệt xuất sắc, dẫn đầu trong các lĩnh vực, nêu tấm gương sáng để mọi người học tập, noi theo và đóng góp đặc biệt trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Thủ đô.

3. Công dân danh dự Thủ đô được miễn thị thực nhập cảnh vào Việt Nam. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định thẩm quyền, điều kiện, thủ tục tặng danh hiệu và chế độ đãi ngộ đối với người được tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô, danh hiệu Công dân ưu tú Thủ đô.

4. Các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, tổ chức xã hội nghề nghiệp có trách nhiệm phát hiện, giới thiệu, phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội xét và trao tặng danh hiệu Công dân danh dự Thủ đô.

Chương II

TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI (mới)

Điều 8. Tổ chức chính quyền địa phương ở Thành phố Hà Nội

Thủ đô Hà Nội là đô thị loại đặc biệt, chia thành quận, huyện, thành phố thuộc Thành phố Hà Nội; Huyện chia thành xã, thị trấn; thành phố thuộc Thành phố Hà Nội chia thành phường, xã; quận chia thành phường.

Chính quyền địa phương ở Thành phố Hà Nội, thành phố thuộc Thành phố Hà Nội, huyện, quận, thị xã, xã, thị trấn là cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân;

Chính quyền địa phương ở các phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hà

Nội, quận, thị xã tại thành phố Hà Nội là Ủy ban nhân dân phường.

Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước ở phường, thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật này và theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội, quận, thị xã.

Nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức chính quyền địa phương ở huyện, xã, thị trấn của thành phố Hà Nội được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 9. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

1. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; thành lập, tổ chức lại các cơ quan, tổ chức, đơn vị phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

b) Quyết định biên chế cán bộ, công chức, viên chức căn cứ vào khung danh mục vị trí việc làm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các nhiệm vụ quyền hạn cụ thể khác được quy định tại Luật này (theo quy định tại Chương III, IV, V).

2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 03 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội. Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân Hà Nội là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách.

Thường trực HĐND thành phố Hà Nội được quyết định một số vấn đề (phòng chống thiên tai, dịch bệnh, đầu tư công, những vấn đề cấp bách khác...) giữa hai kỳ họp.

3. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội gồm Trưởng ban, 03 Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách; Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân Thành phố là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Ban của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội có Ủy viên hoạt động chuyên trách. *(Tăng số lượng ủy viên chuyên trách - quy định này cao hơn NQ 160/2021/QH14 về thí điểm bố trí chức danh đại biểu hoạt động chuyên trách của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội)*

Điều 10. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố Hà Nội; Quy định số lượng, tên gọi, biên chế, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ cơ quan chuyên môn thuộc UBND quận, huyện, thành phố thuộc thành phố Hà Nội;

2. Được quyết định thành lập một số cơ quan chuyên môn đặc thù thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Các nhiệm vụ quyền hạn cụ thể khác được quy định tại Luật này (theo quy định tại Chương III, IV, V)

Điều 11: Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

Hội đồng nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền quy định tại Luật này.

Điều 12. Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hà Nội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật này.

Điều 13. Hội đồng nhân dân quận, thị xã (nếu theo phương án 1)

Hội đồng nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quyết định, phân bổ, điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách; phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách quận, thị xã, trong đó bao gồm ngân sách của các phường trực thuộc, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

2. Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm B, nhóm C sử dụng vốn đầu tư công tại các phường trực thuộc theo quy định của Luật Đầu tư công;

3. Thông qua chủ trương thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính phường trực thuộc quận, thị xã;

4. Giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của

Hội đồng nhân dân cấp mình ở phường; giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường.

Điều 14. Ủy ban nhân dân quận, thị xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận, thị xã

Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 13 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

b) Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, quyết định giao và điều chỉnh nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các phường trực thuộc, quyết định chủ trương, biện pháp triển khai thực hiện ngân sách;

c) Quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn các phường trực thuộc.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định khác của pháp luật có liên quan và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường;

b) Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, khen thưởng, kỷ luật công chức phường;

c) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân phường.

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã phân cấp, ủy quyền;

Điều 15. Ủy ban nhân dân phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; *(đồng thời*

được bổ sung một số thẩm quyền về ngân sách để khắc phục bất cập hiện nay khi triển khai thí điểm theo Nghị quyết 97/2019/QH14)

b) Đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với Ủy ban nhân dân quận, thị xã; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của Hội đồng nhân dân cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý;

c) Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh, phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

d) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân; tổ chức thực hiện việc bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã phân cấp, ủy quyền;

e) Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên trên địa bàn phường và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường theo quy định của pháp luật, trừ quy định tại khoản 2 Điều 36 và Điều 63 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ủy ban nhân dân phường không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc của Ủy ban nhân dân phường

a) Ủy ban nhân dân phường gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các công chức khác của phường. Ủy ban nhân dân phường loại I và loại II có không quá 02 Phó Chủ tịch; phường loại III có 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường.

b) Ủy ban nhân dân phường làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định của

Chính phủ và phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, quận, thị xã; ký các văn bản của Ủy ban nhân dân phường.

d) Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân về nhiệm vụ được phân công. Khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân vắng mặt, một Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy nhiệm thay mặt Chủ tịch điều hành và giải quyết công việc của Ủy ban nhân dân phường.

Điều 16. Chế độ công vụ, biên chế của các cơ quan, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội

Quy định những nhiệm vụ, quyền hạn đặc thù trong tuyển dụng, sử dụng biên chế, chế độ công vụ của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội:

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc thành phố Hà Nội được ký hợp đồng lao động ở một số vị trí việc làm (công chức, viên chức) khi có nhu cầu; được tuyển dụng, bổ nhiệm từ cấp phó trở xuống và chịu trách nhiệm cá nhân về chất lượng đội ngũ công chức, viên chức thuộc quyền quản lý.

2. Thống nhất một chế độ công vụ, công chức trong các cơ quan, tổ chức các cấp của Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội thuộc thành phố Hà Nội (không phân biệt cán bộ, công chức cấp xã với cán bộ, công chức từ cấp huyện trở lên).

Điều 17. Chính sách thu hút, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao

1. Người có tài năng, năng lực, trình độ cao về giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, nghệ thuật, thể thao, khoa học công nghệ (đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế, có công trình khoa học được công nhận,...) được tuyển dụng thẳng, không qua thi vào làm việc ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thành phố Hà Nội.

2. Thành phố được quy định việc ký hợp đồng và quyết định mức lương, chế độ đãi ngộ theo cơ chế thỏa thuận đối với một số vị trí việc làm trong các cơ quan, đơn vị của Thủ đô cần có sự đảm nhiệm của người có năng lực, kinh nghiệm và trình độ cao.

3. Thành phố được quy định việc ký hợp đồng với người có kiến thức, trình độ, năng lực, kinh nghiệm đã và đang làm việc ở khu vực tư hoặc ở các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp nhà nước để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý các tổ chức, cơ quan, đơn vị của Thủ đô (đảm bảo liên thông giữa khu vực công và khu vực tư.

Điều 18: Chế độ tiền lương, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức Thủ đô

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyền quyết định bố trí ngân sách Thành phố để chi thu nhập bình quân tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc khu vực quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập (*do ngân sách đảm bảo toàn bộ kinh phí hoạt động*). Mức chi căn cứ vào năng lực, hiệu quả công việc, vị trí việc làm, phù hợp với điều kiện, khả năng ngân sách của Thành phố.

Chương III

XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ THỦ ĐÔ

Điều 19. Quy hoạch xây dựng, phát triển Thủ đô

- Kế thừa có sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Việc xây dựng và phát triển Thủ đô phải được thực hiện theo Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy định của pháp luật về xây dựng, về quy hoạch đô thị và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô phải bảo đảm xây dựng Thủ đô văn hiến, văn minh, hiện đại, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, kết nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của Thủ đô với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước.

Bổ sung: “Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô được cập nhật, tích hợp trong Quy hoạch Thủ đô, Quy hoạch Vùng Thủ đô triển khai theo Luật Quy hoạch”

- Bổ sung:

1. Vấn đề về quy hoạch thành phố Hà Nội theo Luật Quy hoạch và Luật Quy hoạch đô thị bao gồm phân quyền, phân cấp trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch theo các Chính sách 4 và Chính sách 5. Quy định về Quy hoạch không gian nhằm để bảo đảm xử lý các vấn đề sử dụng đất hỗn hợp trong cùng một khu vực.

2. Điều kiện, quyền và trách nhiệm của nhà đầu tư chiến lược trong việc đề xuất hoặc xây dựng quy hoạch phân khu đô thị. Thẩm quyền, trách nhiệm, thủ tục của Nhà nước đối với công tác thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu đô thị do nhà đầu tư chiến lập.

Điều 20. Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung nội dung Điều 9 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Không mở rộng diện tích sử dụng đất và quy mô giường bệnh của các bệnh viện hiện có tại **khu vực nội đô lịch sử**; không xây dựng mới khu công nghiệp, cơ

sở sản xuất công nghiệp ngoài khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tại **khu vực đô thị trung tâm**.

Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính ở **đô thị trung tâm** thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực **đô thị trung tâm**.

Thủ tướng Chính phủ quyết định biện pháp và lộ trình di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp ra khỏi đô thị trung tâm; di dời một số bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp ra khỏi đô thị trung tâm hoặc xây dựng cơ sở khác của các bệnh viện, cơ sở này ở bên ngoài đô thị trung tâm.

2. Khi lập quy hoạch chi tiết trục đường giao thông theo **quy hoạch chung, quy hoạch phân khu** trên địa bàn Thủ đô phải bảo đảm phạm vi lập quy hoạch mở rộng mỗi bên kể từ phía ngoài chỉ giới đường đỏ của tuyến đường dự kiến theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị.

Việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư về việc lập quy hoạch trong trường hợp này được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị, quy **hoạch xây dựng**.

3. Khi triển khai dự án phát triển **các tuyến** đường giao thông theo quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan có thẩm quyền của thành phố Hà Nội **quyết định việc xác định diện tích đất** hai bên đường **để thu hồi quản lý**, sử dụng theo quy hoạch.

Trong trường hợp quy hoạch có xây dựng nhà ở hoặc chuyển đổi đất có cùng mục đích sử dụng để tái định cư tại chỗ hoặc thực hiện dự án sản xuất, kinh doanh thì ưu tiên cho người có đất bị thu hồi được tái định cư hoặc tham gia dự án sản xuất, kinh doanh đó.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định trục đường giao thông mới quy định tại khoản 2 Điều này.

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quyết định ranh giới, mốc giới, diện tích đất hai bên đường cần phải thu hồi để xây dựng đường giao thông quy định tại khoản 3 Điều này.

- *Bổ sung* :

1. Trách nhiệm, vai trò của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thẩm định, giám sát thực hiện quy hoạch. Quản lý, kiểm soát dân cư theo quy hoạch (điều chỉnh khoản 1 Điều 19 Luật Thủ đô).

2. Quy định phân quyền cho Thủ đô chủ động trong việc bố trí nguồn vốn, phân nguồn vốn lập quy hoạch phù hợp với mục tiêu, yêu cầu phát triển; quyết định hình thức thực nguồn, nguồn kinh phí ngân sách cho công tác quy hoạch bao gồm các loại

hình quy hoạch, hoạt động kiến trúc khác chưa được quy định trong hệ thống pháp luật hiện hành.

Điều 21. Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 10 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Không gian, kiến trúc, cảnh quan và xây dựng đô thị của Thủ đô phải được quản lý theo đồ án quy hoạch, bảo đảm bảo tồn, tôn tạo, phát huy các hình thái kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử, tạo lập không gian xanh của Thủ đô, không gian cảnh quan khu vực hai bên Sông Hồng.

2. **Sửa đổi:** “Việc cải tạo, chỉnh trang các đường giao thông quan trọng trong nội thành phải được thực hiện trên cơ sở quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị, quy chế quản lý kiến trúc. Trong trường hợp đặc biệt, Hội đồng nhân dân các cấp (theo phân cấp) quyết định việc lập thiết kế cải tạo chỉnh trang tuyến đường”.

- Bổ sung nội dung của Chính sách 4: về tiêu chuẩn, quy chuẩn, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đối vùng di sản đối với khu vực nội đô lịch sử, khai thác cảnh quan Sông Hồng; các nguyên tắc và điều kiện xây dựng riêng trong khu vực nội đô lịch sử và các nguyên tắc và điều kiện xây dựng chung các đô thị của Hà Nội về giảm phát thải, bảo vệ môi trường,

Quản lý, xây dựng và triển khai không gian ngầm đô thị tại khu vực trung tâm, khu vực nội đô lịch sử theo hướng bảo tồn không gian văn hóa và cảnh quan, sạch đẹp và khang trang tại khu vực nội đô lịch sử; Quy định biện pháp khuyến khích xã hội hóa để các tổ chức, cá nhân đầu tư công trình ngầm, khai thác không gian ngầm (chính sách hỗ trợ về tiền thuê đất, thuế, bố trí công năng sử dụng....).

Điều 22. Bảo vệ và phát triển văn hóa (sửa đổi, bổ sung)¹

1. Ưu tiên đầu tư nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, bảo tồn, tu bổ, tôn tạo, phát huy giá trị các di tích, các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử trên địa bàn Thủ đô. Khuyến khích sáng tạo, phát triển giá trị văn hóa tinh thần mới dựa trên di sản; đảm bảo hài hòa với phát triển kinh tế, giáo dục, du lịch văn hóa.

2. Quy định biện pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư vào các ngành công nghiệp văn hóa:

a. Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp;

b. Áp dụng thuế suất 5% (hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với thu

¹ Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 11 Luật Thủ đô năm 2012.

nhập của doanh nghiệp đầu tư trong các ngành công nghiệp văn hóa.

3. Quy định chính sách hỗ trợ, đãi ngộ, tôn vinh đối với nghệ nhân di sản văn hóa phi vật thể; hỗ trợ nghệ nhân bảo vệ, truyền dạy cho đội ngũ kế cận, phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng ở trong nước và ở nước ngoài. Thủ đô được quy định mức hỗ trợ cao hơn mức quy định của Trung ương theo khả năng cân đối ngân sách của Thủ đô.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cơ chế tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo vệ di sản và phát triển văn hóa Thủ đô để đầu tư cho nghiên cứu, bảo vệ di sản văn hóa, hỗ trợ hoạt động giáo dục, quảng bá và sáng tạo dựa trên di sản văn hóa Thủ đô.

Điều 23. Phát triển giáo dục và đào tạo (sửa đổi, bổ sung)²

1. Quy định biện pháp khuyến khích người dân, doanh nghiệp đủ điều kiện đầu tư vào lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thủ đô³:

a. Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp.

b. Áp dụng thuế suất 5% hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của Thủ đô.

c. Hỗ trợ cùng một mức (giá dịch vụ giáo dục công lập phổ cập) cho học sinh các cấp học trên địa bàn Thủ đô không phân biệt trường công lập và trường tư thục.

2. Cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thủ đô được quyền thực hiện liên kết giáo dục với các cơ sở giáo dục nước ngoài khi đủ điều kiện do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định. Thành phố được ban hành cơ chế huy động nguồn lực phát triển các loại hình liên kết giáo dục, đào tạo trong nước và quốc tế trong các cơ sở giáo dục, đào tạo công lập.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định hình thức ưu đãi phát triển hệ thống trường học chất lượng cao, trường học thông minh, nâng cao chất lượng giáo dục ở tất cả các cấp học, bậc học.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế.

² Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 12 Luật Thủ đô năm 2012

³ Mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cơ chế tổ chức và hoạt động của Quỹ học bổng dành cho học sinh tài năng của Thủ đô phục vụ mục đích phát hiện, tuyển chọn, cử đi học tập, đào tạo ở các cơ sở giáo dục, đào tạo có uy tín của quốc tế, tngunguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Thủ đô.

Điều 24. Phát triển khoa học và công nghệ

- *Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 13 Luật Thủ đô năm 2012*

- *Bổ sung Chính sách 7: Huy động, sử dụng, phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, gồm:*

1. Quy định các biện pháp ưu đãi, hỗ trợ đặc thù trong thu hút, sử dụng, phát huy tiềm lực, vinh danh các chuyên gia, nhà khoa học giỏi.

a) Quy định và áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm mà Thành phố đặt hàng đối với các chuyên gia, nhà khoa học giỏi được lựa chọn để chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, Vùng Thủ đô hoặc đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ của Thủ đô; miễn thuế thu nhập cá nhân từ việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô; trao quyền tự chủ cho các chuyên gia, nhà khoa học giỏi quyết định toàn bộ việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao chủ trì, bao gồm cả việc thỏa thuận hợp tác, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài, mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ phục vụ cho nhiệm vụ

b) Thí điểm xét, phong/đề nghị Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phong tặng danh hiệu Công trình sư, Tổng Công trình sư cho các nhà khoa học và công nghệ làm việc ở Thủ đô.

2. Khuyến khích, hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ tham gia hoạt động ươm tạo, đổi mới công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo của Thủ đô

a) Thí điểm hợp tác đầu tư hỗ trợ hình thành Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên của Thủ đô nhằm phát triển sản phẩm mới, mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

b) Áp dụng mức ưu đãi hỗ trợ cao nhất (tương đương các mức ưu đãi cho doanh nghiệp công nghệ cao) đối với các doanh nghiệp thực hiện đề tài, dự án ươm tạo công nghệ, đổi mới công nghệ có các sản phẩm tạo ra từ hoạt động ứng dụng công nghệ ươm tạo.

3. Cơ chế đặc thù hỗ trợ, chuyển giao, ứng dụng kết quả, sản phẩm từ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Thành phố:

a) Áp dụng chính sách chuyển giao không bồi hoàn tài sản hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thành phố thực hiện trên cơ sở lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ năng lực triển khai phát triển sản phẩm và các điều kiện, cam kết phục vụ thị trường Thủ đô, Vùng Thủ đô.

b) Ban hành cơ chế hợp tác, chuyển giao và hỗ trợ doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi trong lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông thuộc Danh mục công nghệ ưu tiên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng để chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số và xây dựng chính quyền số Thủ đô

4. Được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh, mô hình quản lý mới:

a) Thí điểm triển khai mô hình tổ chức đầu tư mạo hiểm có sử dụng một phần ngân sách Thành phố và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thu hút, thúc đẩy khởi nghiệp, ươm tạo doanh nghiệp, đổi mới công nghệ theo lĩnh vực ưu tiên được Thành phố chấp thuận;

b) Thí điểm triển khai mô hình Ngân hàng quỹ đất nông nghiệp (*xem Điều 35*)

c) Thí điểm triển khai mô hình *khu thúc đẩy thương mại, văn hoá (BID)* ở một số địa bàn có tiềm năng, lợi thế về thương mại, dịch vụ, du lịch, văn hóa của Thủ đô.

Điều 25. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân (mới)

1. Quy định các biện pháp ưu đãi về đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp và các biện pháp khác để tăng cường xã hội hóa y tế:

a. Ưu đãi về giao đất, cho thuê đất, giảm tiền sử dụng đất, hỗ trợ thủ tục thành lập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế;

b. Áp dụng thuế suất 5% hoặc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập của doanh nghiệp đầu tư phát triển cơ sở khám chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại; các cơ sở nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ y tế, dược phẩm và trang thiết bị y tế.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định các chính sách đặc thù để phát triển hệ thống y tế cơ sở và dịch vụ khám chữa bệnh tư nhân thực hành theo nguyên lý y học gia đình:

a. Quy định khám chữa bệnh theo nguyên lý y học gia đình có tính bắt buộc (đối với khám chữa bệnh ban đầu) theo lộ trình thực hiện phù hợp với sự phát triển của

hệ thống y học gia đình.

b. Quy định chế độ đãi ngộ, cơ chế tài chính, quy định về khám chữa bệnh và cơ chế phân bổ, chi trả bảo hiểm y tế phù hợp nhằm duy trì đội ngũ cán bộ y tế làm việc tại các trạm y tế cơ sở của Thủ đô thực hành nguyên lý y học gia đình.

c. Quy định về cơ chế tài chính, dịch vụ khám chữa bệnh và phân bổ, thanh toán bảo hiểm y tế phù hợp để khuyến khích phát triển đội ngũ bác sỹ làm việc cho cơ sở y tế tư nhân thực hiện nguyên lý y học gia đình liên thông, kết nối và hỗ trợ cho hệ thống y tế hiện hành.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định chính sách phát triển nhân lực y tế dự phòng ngoài những quy định hiện hành (chế độ làm việc, mức lương,...) để thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo, giám sát phát hiện bệnh truyền nhiễm, chủ động triển khai các biện pháp chống dịch và kiểm soát phòng chống bệnh không lây nhiễm.

Điều 26. Phát triển hệ thống an sinh xã hội Thủ đô toàn diện, bao trùm và bền vững (mới)

1. Quy định các biện pháp ưu đãi để huy động nguồn lực phát triển hệ thống an sinh xã hội Thủ đô:

a. Ưu đãi cho cơ sở trợ giúp xã hội; tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy:

- Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được miễn tiền sử dụng đất khi thành lập, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp khi hoạt động nhằm khuyến khích phát triển hệ thống trợ giúp xã hội ngoài công lập làm công tác tư vấn, hỗ trợ, điều trị, cai nghiện ma túy tự nguyện.

- Các cơ sở trợ giúp xã hội, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư đầu tư vào hoạt động cai nghiện ma túy, hỗ trợ quản lý sau cai nghiện ma túy, phòng chống tái nghiện ma túy được vay vốn với lãi suất ưu đãi trong 05 năm đầu thành lập.

- Thành phố quy định chính sách khuyến khích đối với doanh nghiệp tiếp nhận người sau cai nghiện ma túy vào làm việc.

b. Khuyến khích doanh nghiệp đóng góp, ủng hộ, tài trợ các hoạt động tư vấn, tuyên truyền, đấu tranh phòng, chống ma túy, cai nghiện ma túy, phát triển cho các mô hình mới về cai nghiện ma túy, quản lý sau cai, khen thưởng động viên các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống ma túy. Tiền đóng góp của doanh nghiệp cho hoạt động trợ giúp xã hội và ủng hộ, tài trợ được

tính là chi phí hợp pháp của doanh nghiệp khi hạch toán.

2. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định mức chi, nội dung chi cho an sinh xã hội cao hơn và phạm vi đối tượng được thụ hưởng rộng hơn so với quy định chung, tiến tới bao phủ toàn dân.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quyết định việc hỗ trợ lãi suất ưu đãi cho các đối tượng thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo, đối tượng chính sách vay vốn ngân hàng chính sách xã hội, giải quyết việc làm.

4. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định biện pháp khuyến khích việc huy động nguồn lực xã hội để nâng mức hỗ trợ đối với người có công, người cao tuổi, người nghèo, người khuyết tật, trẻ em mồ côi, trợ giúp xã hội trong thiên tai, dịch bệnh.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định tiêu chí ưu tiên để lựa chọn các đối tượng được mua, thuê nhà ở xã hội tại Thủ đô, đặc biệt tại các khu công nghiệp tập trung; Quyết định việc sử dụng vốn đầu tư phát triển địa phương để hỗ trợ xây dựng nhà ở, công trình phúc lợi cho người lao động có thu nhập thấp.

Điều 27. Bảo vệ môi trường và giảm phát thải

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 14 Luật Thủ đô năm 2012:

Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được ban hành một số quy chuẩn môi trường về nước thải, khí thải và tiếng ồn trên địa bàn Thủ đô cao hơn so với quy chuẩn môi trường quốc gia.

- Bổ sung các Chính sách 4, 5 và 9, bao gồm:

1. Bổ sung các nguyên tắc về vùng phát thải thấp cho Thủ đô, bao gồm tiêu chuẩn xây dựng để giảm phát thải; biện pháp kiểm soát phương tiện giao thông cá nhân, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ không đảm bảo tiêu chuẩn về phát thải, sử dụng năng lượng hiệu quả và chuyển dịch năng lượng...;

2. Bổ sung các biện pháp bảo vệ môi trường đô thị, làng nghề và cụm, khu công nghiệp.

3. Bổ sung các vấn đề về kiểm soát ô nhiễm, phát triển tỷ lệ xanh trong xây dựng đô thị...

4. Bổ sung quy định ưu đãi về đầu tư lĩnh vực cây xanh, trồng rừng, xử lý rác thải, nước thải, dịch vụ môi trường khác;

5. Quy định về các nguyên tắc bảo vệ môi trường của Vùng Thủ đô.

Điều 28. Quản lý, sử dụng đất đai

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 15 Luật Thủ đô năm 2012

- Bổ sung các chính sách liên quan:

1. Phân quyền về chuyển mục đích sử dụng đất;
2. Huy động nguồn lực đất đai trong lĩnh vực nông nghiệp; Thực hiện ngân hàng đất nông nghiệp⁴.
3. Phân quyền về xây dựng bảng giá đất và phương pháp để định giá đất cụ thể sát với giá thị trường.
4. Cơ chế chia sẻ lợi ích giữa nhà nước - người dân - nhà đầu tư trong các dự án phát triển đô thị theo Chính sách 4, nông nghiệp công nghệ cao theo Chính sách 5;
5. Nguyên tắc về quản lý sử dụng không gian bên trên (công trình trên không) và không gian bên dưới mặt đất (công trình ngầm) để xác định quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất hiện hữu (xử lý chuyển tiếp) và điều kiện để cấp giấy phép xây dựng, các quy định về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng (theo Chính sách 5). Quy định đầy đủ về phương thức, hình thức ghi nhận quyền sử dụng, quyền sở hữu phức hợp hoặc đất sử dụng đa mục đích trên cùng một thửa đất. Thủ đô có quyền xác định ranh giới chiều cao, độ sâu với các công trình theo từng địa bàn quy hoạch
5. Nguyên tắc thu hồi, sử dụng đất đối với các trường hợp thu hồi khác với các trường hợp thu hồi theo quy định tại Luật Đất đai hiện hành/Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi), bao gồm thu hồi các dự án phải di dời theo quy định của pháp luật
6. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quyết định chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất, đất trồng lúa nước sang các loại đất phi nông nghiệp phù hợp với quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Thành phố được quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất nêu trên.

Điều 29. Phát triển nhà ở (sửa tên điều Luật)

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 16, khoản 2 Điều 19 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển các khu đô thị, nhà ở phải phù hợp với Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô và yêu cầu xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại; ưu tiên đầu tư xây dựng các khu đô thị, nhà ở hiện đại, thuận tiện ở **ngoài đô thị trung tâm**, đồng bộ với việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội.

⁴ Chế định ngân hàng đất nông nghiệp đang được đề xuất tại Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) ngày 30/09/2022. Nếu chế định ngân hàng đất nông nghiệp chưa được áp dụng trên toàn quốc thì có thể áp dụng thí điểm tại Thủ đô.

2. Việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phải tuân thủ **quy hoạch được phê duyệt** bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, người dân và nhà đầu tư

3. *Bổ sung Chính sách 4:* Chính sách phát triển nhà ở, các khu đô thị ở ngoài đô thị trung tâm, nhà ở xã hội, nhà ở cho người lao động, nhà ở tái định cư trên địa bàn Thủ đô; chính sách về cải tạo chung cư cũ, bao gồm các nội dung:

a) Phát triển nhà ở xã hội phù hợp với điều kiện của Thủ đô:

- Được chủ động bố trí, sắp xếp các quỹ đất để phát triển nhà ở xã hội, mô hình nhà ở căn hộ chung cư cao tầng để phát triển nhà ở xã hội phù hợp với điều kiện về đất đai, dân cư của Thủ đô, đảm bảo tỷ lệ quỹ nhà ở xã hội theo quy định và chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt đối với tất cả các dự án được quy hoạch xây dựng nhà ở cao tầng, thấp tầng, nhà ở biệt thự, các khu đất xây dựng HTKT để tổ chức bán đấu giá; Gồm: (1) được thực hiện bố trí quỹ đất tương đương 20% đất ở trong các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại thay thế ở vị trí khác trên cơ sở đề xuất quỹ đất thay thế của UBND cấp huyện. (2) Trên cơ sở Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô, quy hoạch phân khu đô thị đã được phê duyệt và mức độ đô thị hóa, thành phố Hà Nội được quyết định các khu vực, địa bàn hoặc loại đồ án quy hoạch chi tiết đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị không phải dành quỹ đất ở tại dự án để xây dựng nhà ở xã hội. (3) Đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị có quy mô sử dụng đất từ 2 ha đến dưới 10ha, doanh nghiệp dự án được phép nộp tiền tương ứng với quy đất 20% để phát triển nhà ở xã hội; Thành phố được quyết định bố trí thay thế quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội tương đương vào trong các khu nhà ở xã hội trên địa bàn để tránh phát triển dự án nhà ở xã hội nhỏ, manh mún, sử dụng đất không hiệu quả.

- Được sử dụng nguồn tiền thu được từ quỹ đất ở 20% tại các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị thực hiện trách nhiệm phát triển nhà ở xã hội bằng tiền bổ sung Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để hỗ trợ, cho vay ưu đãi phát triển nhà ở xã hội.

- Được phát triển các khu nhà ở xã hội tập trung theo hướng văn minh, hiện đại, đồng bộ hệ thống hạ tầng, theo lộ trình phù hợp với nhu cầu của thị trường và điều kiện của Thành phố; Được điều chỉnh quy hoạch tại một số ô đất tại các khu, cụm công nghiệp để phát triển nhà ở xã hội cho công nhân tại các khu, cụm công nghiệp; không phát triển nhà ở xã hội là nhà ở liền kề thấp tầng.

b) Quy định chính sách phát triển nhà ở thông qua cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ xuống cấp, chỉnh trang nhà ở các ô phố:

- Đối với các nhà ở cũ có một chủ sở hữu là Nhà nước thì Thành phố đầu tư sử dụng vốn ngân sách hoặc từ Quỹ đầu tư phát triển Thành phố để triển khai lập quy hoạch, đầu tư xây dựng. Sau khi hoàn thành, Thành phố cho người sử dụng thuê

(nếu có nhu cầu), trường hợp còn quỹ nhà sau khi xây dựng mới sẽ tổ chức đấu giá thu hồi vốn.

- Đối với các nhà ở cũ thuộc đa sở hữu (trong đó có nhà nước), Thành phố bố trí kinh phí ngân sách lập quy hoạch, lựa chọn chủ đầu tư; đồng thời huy động tối đa các nguồn lực từ Nhà nước, xã hội hóa hoặc đầu tư theo hình thức hợp tác công tư để cải tạo, xây dựng mới các khu nhà ở đã xuống cấp, các chủ sở hữu nhà ở có trách nhiệm đóng góp kinh phí để đầu tư xây dựng theo quy định Luật Nhà ở.

- Được quy định biện pháp thu hồi đất, giao đất để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây mới nhà ở cũ, nhà nhiều hộ, hoán đổi các ô quy hoạch để xây dựng mới nhà ở tái định cư tại chỗ cho người dân hoặc bố trí tái định cư tại các vị trí khác nhằm ưu tiên dành quỹ đất tại các khu vực này để xây dựng các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công cộng, thương mại, dịch vụ.

- Được ban hành quy định biện pháp về hỗ trợ đầu tư, xây dựng, phát triển quỹ nhà tái định cư (bao gồm cả biện pháp đặt hàng trong các dự án nhà ở thương mại) nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng nhà ở tái định cư, tạo sự đồng thuận của người dân.

Điều 30. Chính sách phát triển đô thị thuộc Thủ đô (mới)

1. Quy định cụ thể về chính sách phát triển các thành phố thuộc Thủ đô và đô thị vệ tinh, đô thị mới, phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD) và cơ chế chia sẻ lợi ích của các nhà đầu tư với nhà nước và người đang sử dụng đất, biện pháp thu hút nhà đầu tư chiến lược theo Chính sách 4 cùng với các quy định tại các Điều 21, Điều 22 và Điều 23.

2. Cơ chế, biện pháp để huy động các nhà đầu tư tư nhân đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gắn với phát triển đô thị, thương mại và công nghiệp tại các khu vực đầu mối giao thông và hai bên tuyến đường giao thông (TOD):

a) Được quy định các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông (các tuyến đường giao thông: như các tuyến đường sắt đô thị, đường vành đai...) và các dự án phát triển đô thị, khu thương mại, du lịch, khu công nghiệp trong khu vực và hai bên đường để thiết lập “một gói đầu tư” để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (trong các nhà đầu tư chiến lược được xác định); Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư trong số các nhà đầu tư chiến lược để thực hiện dự án phức hợp, nhóm dự án.

b) Quy định cơ chế, biện pháp đầu tư, trong đó: dự án đầu công trình giao thông được đầu tư theo hình thức: đấu thầu, đặt hàng, nhà đầu tư ứng vốn triển khai đầu tư không tính lãi, Thành phố thanh toán theo tiến độ và quyết toán được phê duyệt (đối với tuyến đường không thu được phí) và theo hình BOT (đối với dự án xây

dựng công trình giao thông có thể thu phí như đường sắt đô thị, đường giao thông trên cao...). Các nhà đầu tư được lựa chọn đầu tư xây dựng các khu đô thị trong khu vực, các đầu mối giao thông trong dự án TOD, các khu thương mại, du lịch, công nghiệp hai bên tuyến đường, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính theo quy định (như chính sách áp dụng cho những dự án khác trên địa bàn), nhà đầu tư trích lợi nhuận trước thuế để bù đắp cho dự án đầu tư xây dựng đường giao thông.

c) Được quy định cơ chế, giải pháp thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đối với cả dự án phức hợp hoặc nhóm dự án theo cơ chế chia sẻ lợi ích để người dân, doanh nghiệp có đất phải thu hồi được đảm bảo về việc làm, có điều kiện sống tốt hơn, hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động đầu tư hạ tầng giao thông kết nối đô thị trung tâm với các khu đô thị mới, đô thị vệ tinh, thành phố mới.

Điều 31. Cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 16 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Việc cải tạo, phục hồi nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác xây dựng trước năm 1954 phải bảo đảm bảo vệ, phát huy giá trị kiến trúc theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung Chính sách 4:

2. Về cải tạo, chỉnh trang đô thị trong đó có một số quy định riêng cho việc cải tạo, chỉnh trang và tái thiết khu vực nội đô lịch sử, Thành phố được quy định:

a) Về cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị và bảo tồn, phát huy giá trị khu vực nội đô lịch sử (bao gồm: điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn kiến trúc xây dựng; biện pháp bảo tồn, quản lý, khai thác sử dụng các công trình).

b) Về chính sách, lộ trình giãn dân ở khu vực các quận lõi, khu vực nội đô lịch sử; cơ chế khuyến khích, ưu đãi trong cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và công trình kiến trúc khác...), chỉnh trang, tái thiết đô thị; Quy định chính sách đầu tư, phát triển các khu dân cư mới, cơ chế hỗ trợ, đền bù để bố trí định cư cho các hộ dân di dời

c) Về khuyến khích, hỗ trợ tổ chức, người dân đầu tư, cải tạo, chỉnh trang, tái thiết nhà ở tại các phố cổ, phố cũ theo quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc phố cổ, phố cũ và thiết kế đô thị; hỗ trợ, ưu đãi đối với việc cải tạo, trùng tu, bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị văn hóa, lịch sử (nhà cổ, biệt thự cũ và các công trình kiến trúc khác có giá trị...). Quy định các nguyên tắc hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị; khuyến khích cơ chế đối tác công tư, thực hiện xã hội hóa trong thực hiện công tác cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị.

d) Về hoán đổi ô quy hoạch trong khu vực nội đô lịch sử để tái cấu trúc, tái khai thác các nguồn lực có giá trị của khu vực nội đô lịch sử.

đ) Quy định về di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, trường đại học, cao đẳng, một số bệnh viện ra khỏi các đô thị trung tâm. Quỹ đất của các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất di dời ra khỏi khu vực nội đô lịch sử được ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình công cộng phục vụ tái thiết đô thị và bảo tồn phát huy giá trị văn hóa cho khu vực nội đô lịch sử;

e) Thành lập quỹ bảo tồn, tái thiết khu vực nội đô lịch sử để thực hiện cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đô thị gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử, trên cơ sở bố trí vốn ban đầu từ ngân sách nhà nước, nguồn thu khác của Quỹ có tính chất thuế, phí từ: các chủ đầu tư xây dựng các khu đô thị mới trích một phần lợi nhuận để nộp quỹ; Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ, du lịch tại khu vực nội đô lịch sử trích một phần lợi nhuận để nộp quỹ, và huy động, tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân khác.

g) Xác lập một số khu vực (các ô phố, tuyến phố) đặc trưng (các tuyến phố kiểu Pháp, tuyến phố kiểu Trung Hoa,..) để phục hồi, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa khu vực nội đô lịch sử;

h) Về cơ chế khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng trong phát triển kinh tế khu vực đô thị, bao gồm Thành phố được đấu thầu cho thuê biệt thự cũ thuộc sở hữu nhà nước để kinh doanh du lịch, dịch vụ văn hóa, nghệ thuật, ẩm thực; được đấu giá bán biệt thự cũ (trừ công trình có giá trị đặc biệt hoặc công trình có hiệu quả cao về cho thuê) gắn với cam kết về giữ gìn, tôn tạo, bảo trì công trình

3. Biện pháp khuyến khích khai thác hiệu quả và bền vững các công trình văn hóa, lịch sử, các không gian công cộng (như phố đi bộ, vỉa hè, quảng trường,...) trong phát triển kinh tế khu vực đô thị. Thử nghiệm có kiểm soát mô hình kinh tế đô thị, bao gồm phát triển các khu thúc đẩy thương mại, văn hoá...

Điều 32. Đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 17, Khoản 2 Điều 19 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị của Thủ đô được xây dựng, phát triển đồng bộ, hiện đại, bảo đảm định hướng lâu dài và kết nối Thủ đô với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, phát triển, bảo trì, bảo dưỡng các công trình hạ tầng kỹ thuật có quy mô

lớn, quan trọng trên địa bàn Thủ đô.

- *Bổ sung các Chính sách 3 và Chính sách 4:*

Chính sách để thu hút, huy động nguồn lực đầu tư các dự án xử lý chất thải rắn, nước thải, cấp thoát nước, chiếu sáng,...

Điều 33. Phát triển, quản lý hạ tầng giao thông

- *Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 18 Luật Thủ đô năm 2012:*

1. Hệ thống giao thông vận tải trên địa bàn Thủ đô được quy hoạch, xây dựng, phát triển đồng bộ, hiện đại, bảo đảm sự liên kết giữa Thủ đô với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Vùng Thủ đô và cả nước, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh; tập trung đầu tư và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và hệ thống vận tải hành khách công cộng trên địa bàn Thủ đô.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2: “Các đoạn tuyến quốc lộ, vành đai, đường Hồ Chí Minh đi qua địa bàn Thủ đô và đường cao tốc đô thị nằm hoàn toàn trên địa bàn Thủ đô được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức quản lý, bảo trì”.

3. Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành quy định ưu tiên phát triển hệ thống vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn; khuyến khích đầu tư xây dựng, khai thác bến xe, bãi đỗ xe ô tô và các phương tiện cơ giới khác; áp dụng công nghệ cao trong quản lý, điều hành hệ thống giao thông vận tải.

- *Bổ sung Chính sách 4:* về phát triển đô thị theo định hướng giao thông (TOD), cơ chế huy động nguồn lực phát triển đường sắt đô thị, đường vành đai, trung tâm logistic, giao thông Vùng Thủ đô....

Điều 34. Phát triển nông nghiệp, nông thôn (mới)

Bổ sung Chính sách 5: Xây dựng, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Quy định các nội dung sau:

1. Chính quyền thành phố Hà Nội được phân quyền:

a) Xây dựng và phê duyệt các quy hoạch về nông nghiệp Thủ đô; lập, thẩm định, phê duyệt các quy hoạch thủy lợi, đê điều, phòng chống lũ của tuyến sông có đê trên địa bàn Thành phố; được quy định định mức kinh tế kỹ thuật để lập quy hoạch, thực hiện quy hoạch.

b) Quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa sang các loại đất nông nghiệp khác; quy định cơ chế tích tụ, tập trung đất đai, huy động góp vốn bằng đất nông nghiệp vào các đơn vị sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, sinh thái (*Cho thuê*

đất qua ngân hàng đất đai hoặc ngân hàng quỹ đất; cho thuê, góp cổ phần bằng đất nông nghiệp)

2. Các cơ chế hỗ trợ xây dựng và phát triển nông nghiệp sinh thái:

a) Cơ chế khuyến khích, hỗ trợ nghiên cứu, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi đặc sản bản địa có giá trị cao, hỗ trợ nhập khẩu các loại giống gốc cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu hình thành các cơ sở sản xuất giống, cung cấp cho sản xuất của Thành phố cũng như cả nước;

b) Hỗ trợ chuyên gia ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến và kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi tuần hoàn, tạo thành chuỗi giá trị nông sản chủ lực của Thủ đô; phát triển thị trường công nghệ nông nghiệp trên cơ sở bảo đảm quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu hàng hoá gắn với tiêu chuẩn và thương hiệu địa phương;

c) Cơ chế đặc thù hỗ trợ về tài chính (cao hơn so với quy định của trung ương), khuyến khích, thu hút nguồn lực của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn

3. Các cơ chế phát triển nông thôn hiện đại, nông dân thông minh:

a) Cơ chế hỗ trợ ngoài quy định của trung ương về phát triển hợp tác xã kiểu mới, phát triển kinh tế trang trại, gia trại liên kết với phát triển du lịch nông nghiệp sinh thái gắn với tiêu thụ sản phẩm nông thôn, sản phẩm làng nghề giàu bản sắc văn hoá Thủ đô;

b) Cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông nghiệp, nông thôn: Hỗ trợ về công nghệ, kỹ thuật, vay vốn để chuyển đổi nghề phù hợp với định hướng phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, dịch vụ hỗ trợ đô thị; Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của hợp tác xã, doanh nghiệp và thị trường gắn với giải quyết việc làm phù hợp với nhu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, đáp ứng yêu cầu cách mạng khoa học 4.0 và chuyển đổi số nông nghiệp;

c) Quy định chính sách hỗ trợ nông dân, người lao động tại các tổ chức kinh tế nông nghiệp tham gia bảo hiểm xã hội, tham gia tổ chức công đoàn/tổ chức đại diện bảo vệ người lao động ở cơ sở.

Điều 35. Các biện pháp bảo vệ Thủ đô, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

- Kế thừa, có sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều 20 Luật Thủ đô năm 2012:

1. Xây dựng các khu vực phòng thủ bảo vệ Thủ đô, các phương án bảo đảm an toàn cho Thủ đô trong mọi tình huống; bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thủ đô bằng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh có hiệu quả; mọi vi phạm pháp luật phải được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời, nghiêm minh.

2. Sửa đổi, bổ sung: “Việc xử phạt vi phạm hành chính ở **Thủ đô Hà Nội** (*bổ sung từ: nội thành*) được thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các quy định sau đây:

a) Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội được quy định mức tiền phạt cao hơn nhưng không quá 02 lần mức tiền phạt tối đa do Chính phủ quy định đối với một số hành vi vi phạm hành chính tương ứng trong các lĩnh vực văn hóa, đất đai, xây dựng, **phòng cháy chữa cháy, vệ sinh an toàn thực phẩm, quảng cáo và các lĩnh vực: giao thông đường bộ, bảo vệ môi trường, an ninh trật tự, an toàn xã hội theo quy định tại Khoản 1 Điều 23 Luật Xử lý vi phạm hành chính;**

b) Các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định trong các lĩnh vực quy định tại điểm a khoản này thì cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực đó.

3. *HĐND Thành phố* được ban hành các biện pháp hành chính (yêu cầu dừng hành vi vi phạm, cưỡng chế dừng hành vi vi phạm hành chính, thuyết phục, lao động công ích, dừng cấp phép ...) hoặc biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm hành chính như (yêu cầu các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thiết yếu ngừng cung cấp, thu hồi đăng ký kinh doanh, giấy phép hoạt động...) đối với 3 lĩnh vực: Đất đai, Xây dựng, Phòng cháy, chữa cháy.

Chương IV

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH VÀ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦ ĐÔ (mới)

Điều 36. Huy động nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Dự toán chi ngân sách của Thủ đô được xác định trên cơ sở định mức phân bổ chi ngân sách cao hơn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác. Thủ đô được giữ ổn định tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu giữa ngân sách Trung ương và ngân sách Thành phố trong giai đoạn 10 năm.

2. Thủ đô được sử dụng các khoản thu ngân sách trung ương vượt dự toán, trừ các khoản sau:

- a) Khoản thu thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;
- b) Khoản chênh lệch thu, chi của Ngân hàng nhà nước;
- c) Khoản thu không giao Thủ đô quản lý thu, không phát sinh trên địa bàn Thủ đô nhưng hạch toán nộp ở Thủ đô.

3. Được quy định tăng thuế suất của thuế sử dụng đất đối với diện tích đất ở,

nhà ở tại các dự án đô thị đã được đầu tư hạ tầng cơ bản thiết yếu trong trường hợp chủ đầu tư dự án không đưa dự án vào sử dụng sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc dự án theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư.

4. Được thưởng 100% khoản vượt thu ngân sách Trung ương trên địa bàn so với dự toán Thủ tướng Chính phủ giao (nhưng không vượt quá số tăng thu so với thực hiện thu năm trước) mà không phụ thuộc vào tổng số vượt thu của ngân sách Trung ương. Trong trường hợp chưa bố trí được khoản thưởng vượt thu, Chính phủ báo cáo Quốc hội bổ sung khoản này vào dự toán năm sau của ngân sách Trung ương để thực hiện.

5. Được quy định mức tăng thêm về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê sử dụng đất đối với các dự án không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng sau 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc dự án theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư trừ trường hợp do bất khả kháng⁵.

6. Được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội một số khoản thu phí phù hợp với đặc điểm của thành phố Hà Nội như sau: Phí chưa được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí; điều chỉnh mức hoặc tỷ lệ thu phí đã được cấp có thẩm quyền quyết định đối với các loại phí được quy định trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí, trừ các loại phí thuộc nguồn thu của ngân sách trung ương hưởng 100%.

7. Ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng 50% khoản thu tiền sử dụng đất khi bán tài sản công gắn liền trên đất theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau khi đã trừ chi phí liên quan đến việc bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; kinh phí di dời, xây dựng cơ sở vật chất tại địa điểm mới theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý trên địa bàn thành phố Hà Nội (trừ cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh) để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của thành phố Hà Nội

8. Thành phố được quyết định áp dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội mức phụ thu tăng thêm tối đa 50% trên mức thuế hoặc thuế suất do Quốc hội quy định ở một số sắc thuế gián thu nhằm điều tiết tiêu dùng đối với một số hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường hoặc hàng hóa, dịch vụ khác cần điều tiết tiêu dùng. Các khoản thu này ngân sách Thành phố được hưởng 100%. Được quy định về một số loại phí mới hoặc phương pháp tính phí theo hướng lũy tiến với mức xả thải ra môi trường để góp phần hạn chế ô nhiễm, thay đổi hành vi của xã hội theo hướng có lợi cho bảo vệ môi trường.

⁵ Dự thảo quy định này phù hợp với quy định tại Điều 157 của Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) ngày 30/09/2022.

9. Thủ đô được huy động vốn đầu tư trong nước thông qua phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân và các hình thức huy động khác theo quy định của pháp luật.

10. Mức dư nợ vay của ngân sách thành phố Hà Nội không vượt quá 90% số thu ngân sách thành phố Hà Nội được hưởng theo phân cấp.

11. Đối với một số công trình, dự án quan trọng có quy mô đầu tư lớn thuộc lĩnh vực kết cấu cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, môi trường, giao thông, thủy lợi do thành phố Hà Nội quản lý vượt quá khả năng cân đối của ngân sách địa phương thì Chính phủ trình Quốc hội quyết định hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách Thủ đô để triển khai thực hiện cho từng dự án.

12. UBND cấp huyện được tổ chức thu các loại thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân kinh doanh trên địa bàn (cơ quan thuế phối hợp, giám sát để đảm bảo mức thu đúng quy định pháp luật thuế) trên cơ sở phân chia nguồn thu từ thuế đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh phục vụ nhu cầu chi của xã, phường.

13. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cấp chính quyền thành phố Hà Nội có trách nhiệm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả nguồn ngân sách được Nhà nước phân bổ, hỗ trợ và các nguồn vốn huy động khi thực hiện các chương trình, dự án xây dựng, phát triển Thủ đô.

Điều 37. Sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách cho phát triển Thủ đô

1. Được quyết định sử dụng số tăng thu từ thu kết dư ngân sách năm trước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và các nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết; số tăng thu còn lại thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

2. Được quyết định sử dụng số thu từ nguồn thu từ sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp do UBND thành phố Hà Nội làm đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước để đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ đầu tư công của Thủ đô và bổ sung vốn cho những doanh nghiệp công ích thuộc lĩnh vực thiết yếu mà Thủ đô cần đầu tư vốn.

3. Sau khi ngân sách thành phố Hà Nội bảo đảm đủ nguồn cải cách tiền lương và thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho cả thời kỳ ổn định ngân sách theo quy định, Thành phố được quyết định sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư của ngân sách cấp thành phố và cho phép ngân sách cấp dưới sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc nhiệm vụ chi của các cấp ngân sách địa phương thành phố Hà Nội.

4. Được quyết định sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên của ngân sách địa phương để đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản công và xây dựng mới các hạng mục công trình phụ trợ thiết yếu trong cơ sở đã có của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị thuộc tổ chức chính trị - xã hội do thành phố Hà Nội quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Được quyết định tạm ứng Quỹ dự trữ tài chính để triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, đã có quyết định phê duyệt dự án và thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách thành phố Hà Nội trong trường hợp cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Thời gian mỗi khoản tạm ứng không quá 36 tháng kể từ ngày tạm ứng. Tổng các khoản tạm ứng này tại một thời điểm không quá 50% số dư Quỹ dự trữ tài chính của thành phố Hà Nội đến ngày 31 tháng 12 năm trước.

6. Được quyết định sử dụng ngân sách cấp Thành phố hỗ trợ các địa phương khác trong nước, hỗ trợ các địa phương tại các nước khác trong các trường hợp cần thiết; cho phép cấp huyện sử dụng ngân sách cấp mình để hỗ trợ các quận, huyện, thị xã khác của thành phố Hà Nội và của các đơn vị cấp huyện thuộc các tỉnh, thành phố khác trên cả nước trong việc phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đầu tư các công trình trọng điểm.

Điều 38. Cơ chế thu hút đầu tư xã hội và cơ chế thực hiện đầu tư

1. Được quy định biện pháp hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư mới, ưu đãi đầu tư cao hơn quy định hiện hành trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng, nhà ở xã hội, bảo vệ môi trường, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, nông nghiệp và phát triển nông thôn, y tế, an sinh xã hội.

(Biện pháp hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư cụ thể trong các lĩnh vực được quy định ở các điều khoản tại chương III)

2. Được thực hiện các hình thức PPP trong các lĩnh vực văn hóa và thể thao (có phạm vi rộng hơn Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư - PPP), được phép quyết định mức vốn Nhà nước ở mức tối đa là 70% trong các dự án PPP.

3. Quy định nguyên tắc góp quyền sử dụng đất, điều chỉnh lại đất đai trong các trường hợp tập trung đất nông nghiệp để thực hiện sản xuất; thực hiện dự án chỉnh trang, tái thiết, phát triển đô thị; Thực hiện dự án chỉnh trang, phát triển khu dân cư nông thôn, mở rộng, nâng cấp đường giao thông nông thôn; Cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng lại các khu nhà chung cư; mở rộng, nâng cấp đường giao thông trong đô thị⁶.

2. Được thành lập công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh vốn

⁶ Quy định này cũng đang được đề xuất tại Điều 220 của Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) ngày 30/09/2022.

Nhà nước thuộc sở hữu 100% vốn Nhà nước thuộc Thành phố nhằm hình thành một cơ chế huy động vốn, nguồn lực từ ngân sách và các nguồn lực đầu tư để triển khai xây dựng, quản lý và khai thác các dự án cơ sở hạ tầng thiết yếu, các dự án trọng điểm về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, đầu tư vào một số ngành, lĩnh vực kinh tế then chốt của Thủ đô.

a) Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh vốn Nhà nước do UBND Thành phố làm đại diện chủ sở hữu, có vốn điều lệ do NSNN bố trí và được cấp bổ sung vốn điều lệ. Việc cấp vốn điều lệ và bổ sung vốn điều lệ do Thành phố quyết định theo khả năng cân đối NSNN của Thành phố. Công ty đầu tư, kinh doanh vốn Nhà nước được NSNN giao vốn, ủy thác vốn nhằm thực hiện dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các dự án trọng điểm về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, và các ngành kinh tế quan trọng của Thành phố. Bên cạnh đó, công ty có thể huy động các nguồn vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật với các hình thức: phát hành trái phiếu, vay vốn của các tổ chức tài chính, tín dụng, tiếp nhận các nguồn tài trợ, nhận ủy thác các nguồn vốn.

b) Công ty đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng và kinh doanh vốn Nhà nước được giao vốn từ NSNN của Thủ đô nhằm đầu tư trực tiếp vào các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, các dự án trọng điểm về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, và các ngành kinh tế quan trọng của Thành phố; tham gia đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng các dự án PPP, các dự án sử dụng đất đô thị, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ theo hướng tuyến phát triển hạ tầng và điểm kết nối giao thông, định hướng giao thông (TOD) thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; góp vốn vào các doanh nghiệp PPP, các dự án sử dụng đất đô thị, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ theo hướng tuyến phát triển hạ tầng, định hướng giao thông và điểm kết nối giao thông (TOD)⁷, góp vốn vào các công ty hoặc đàm phán, ký kết các hợp đồng với các công ty nhằm khai thác, quản lý các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thuộc phạm vi quản lý của Thành phố.

Điều 39. Thẩm quyền về đầu tư

1. Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư Công;

2. Thành phố được tăng thẩm quyền về quyết định chủ trương đầu tư đối với: (i) các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư và các luật chuyên ngành khác (đối với dự án đầu tư phát triển đô thị, nhà ở, khu công nghiệp,...); (ii) các dự án đầu tư công (đối với dự án hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; dự án sử dụng ngân sách trung ương, nguồn

⁷ Tạm thời quy định cho tương ứng với Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) ngày 30/09/2022.

vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài giao Thành phố làm chủ đầu tư; các dự án đầu tư công bằng vốn ngân sách của Hà Nội tại địa bàn tỉnh khác hoặc dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ) phù hợp với quy hoạch và kế hoạch đầu tư công được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Thành phố được quyết định danh mục: lĩnh vực (phát triển hạ tầng – đô thị, bảo vệ môi trường, văn hóa, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, an sinh xã hội), hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu cần khuyến khích đầu tư kinh doanh, biện pháp khuyến khích đầu tư, quyết định phương thức thực hiện (đặt hàng, giao nhiệm vụ...) và quy định nguyên tắc, nội dung xác định đơn giá, phương thức thanh toán ngoài các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm của Thủ đô.

4. Thành phố được quyết định lĩnh vực cần thu hút nhà đầu tư chiến lược theo nhu cầu của Thủ đô tại từng thời kỳ, các điều kiện đầu tư và mức ưu đãi đối với từng loại dự án theo từng thời kỳ và từng lĩnh vực.

Điều 40. Thu hút nhà đầu tư chiến lược

1. Quy định về tiêu chí xác định dự án phức hợp (hoặc nhóm dự án) có quy mô lớn bao gồm các dự án phát triển giao thông đô thị kết hợp với phát triển khu đô thị, khu công nghiệp, thương mại dịch vụ theo định hướng giao thông (TOD) để phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Thủ đô và Vùng Thủ đô cần thu hút nhà đầu tư chiến lược.

2. Quy định về tiêu chí, điều kiện về năng lực tài chính, quản trị, cam kết bằng văn bản về việc ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ sạch hoặc công nghệ cao; cam kết đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, gắn bó lợi ích lâu dài với Thủ đô đối với nhà đầu tư chiến lược.

3. Quy định về thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư chiến lược thực hiện các dự án phức hợp hoặc nhóm dự án có quy mô lớn để phát triển đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật của Thủ đô và Vùng thủ đô, các dự án đầu tư có tính chất đặc biệt về văn hóa, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ được thực hiện tại Thủ đô trên cơ sở đồng bộ với pháp luật về đấu thầu.

4. Quy định về cụ thể phương thức hợp tác công tư giữa Thủ đô với nhà đầu tư chiến lược ở các dự án phức hợp hoặc nhóm dự án dựa trên các phương thức hợp tác công tư theo pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

5. Quy định về quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư chiến lược phù hợp với từng loại dự án.

6. Quy định về các điều kiện và thủ tục chấm dứt mối quan hệ nhà đầu tư chiến lược.

Chương V

VÙNG THỦ ĐÔ

Điều 41. Vùng Thủ đô

- Kế thừa các quy định về Vùng Thủ đô trong Luật Thủ đô 2012.

- *Bổ sung*: Mục tiêu liên kết, phát triển Vùng; Vai trò của Thủ đô Hà Nội trong Vùng Thủ đô, bao gồm:

a) Mở rộng chức năng và tăng thẩm quyền của Hội đồng điều phối Vùng trong công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư và xây dựng các cơ chế chính sách của vùng đối với 09 lĩnh vực quy định (tại Nghị định số 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ chỉ quy định Hội đồng điều phối vùng có chức năng tham mưu, đề xuất giúp Thủ tướng Chính phủ).

b) Thành lập các cơ quan chuyên trách về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng trực thuộc Hội đồng điều phối của Vùng Thủ đô, có chức năng xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện các kế hoạch, dự án ô nhiễm môi trường có tính chất liên tỉnh trong Vùng Thủ đô; các tỉnh, thành phố có trách nhiệm bố trí kinh phí hoạt động cho cơ quan chuyên trách về môi trường của Vùng.

c) Giao thẩm quyền cho Chính quyền Thành phố Hà Nội trong việc chủ trì điều phối thực hiện và quản lý quy hoạch vùng Thủ đô, vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng Sông Hồng sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, nhất là đối với một số lĩnh vực cần phải thống nhất, đồng bộ trong từng vùng và liên vùng, như: giao thông, thông tin - truyền thông, truyền tải điện, môi trường, phát triển nguồn nhân lực.

d) Chính quyền thành phố Hà Nội được huy động các nguồn lực, phê duyệt và thực hiện các dự án đầu tư công, trong đó, toàn bộ từ nguồn vốn ngân sách của Hà Nội, đối với dự án trên địa bàn tỉnh khác, dự án liên tỉnh, liên vùng nằm trong vùng Thủ đô, phù hợp với các quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21 và Điều 22 của Luật này. Thành phố Hà Nội được sử dụng ngân sách và huy động các nguồn lực khác để thực hiện đầu tư các chương trình, dự án trên địa bàn vùng Thủ đô, có tính chất liên vùng hoặc dự án đầu tư tại địa bàn tỉnh khác trong vùng.

Điều 42. Nguyên tắc phối hợp

- *Luật hóa Nghị định 91/2021/NĐ-CP*, bao gồm: (1) Nguyên tắc liên kết; (2)

Trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, ngành, tỉnh, thành phố trong vùng Thủ đô.

- *Bổ sung Chính sách 9, về:* các nguyên tắc phối hợp giữa các địa phương và các cơ quan trung ương trong các hoạt động về quy hoạch, bảo vệ môi trường vùng, xây dựng vùng đô thị thông minh...

Điều 43. Phạm vi phối hợp của Vùng Thủ đô

- *Luật hóa Nghị định 91/2021/NĐ-CP, bao gồm:* Phạm vi, lĩnh vực liên kết vùng: Quy hoạch; Phát triển hạ tầng kỹ thuật liên vùng; bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai; Phân bổ sản xuất, dịch vụ liên vùng; Chuỗi cung ứng, tiêu thụ hàng hóa; Lao động - việc làm, Văn hóa - du lịch, giáo dục đào tạo, y tế liên vùng; Quản lý dân cư và phát triển, quản lý nhà ở.

- *Bổ sung về:* các lĩnh vực phối hợp theo Chính sách 9, như xây dựng vùng đô thị thông minh.

Điều 44. Chính sách ưu tiên đầu tư phát triển Vùng Thủ đô

- *Luật hóa Nghị định 91/2021/NĐ-CP*

- *Bổ sung Chính sách 9:* vấn đề đầu tư của các tỉnh thành phố vào các dự án chung của Vùng, và các hoạt động đầu tư ngoài địa bàn tỉnh nhưng trong Vùng Thủ đô.

Chính sách đặc thù ưu tiên áp dụng cho các tỉnh, thành phố khi tham gia thực hiện các dự án đầu tư của vùng Thủ đô.

Điều 45. Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô

- *Luật hóa Nghị định 91/2021/NĐ-CP và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về:* tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô.

- *Bổ sung Chính sách 9:* về tổ chức và thẩm quyền, cơ chế hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô, Văn phòng Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô và các cơ quan chuyên trách về môi trường, kinh tế, văn hoá-xã hội, phát triển hạ tầng trực thuộc Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô, Tổ điều phối Vùng Thủ đô tại các cơ quan trung ương, tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô; các cơ quan chuyên trách điều phối lĩnh vực quản lý quy hoạch, bảo vệ môi trường của Vùng Thủ đô.

Quy định thẩm quyền của chính quyền thành phố Hà Nội và các tỉnh trong Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô và các thiết chế hỗ trợ hoạt động của Hội đồng điều phối Vùng Thủ đô.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Trách nhiệm của Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội

Kế thừa Điều 22 Luật Thủ đô năm 2012 và bổ sung quy định về trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc xác định luật áp dụng theo đề nghị của Chính quyền thành phố Hà Nội.

Điều 47. Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Kế thừa Điều 23 Luật Thủ đô năm 2012 và bổ sung quy định về việc ban hành các nghị định cụ thể.

Điều 48. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Kế thừa Điều 24 Luật Thủ đô năm 2012 và bổ sung các quy định liên quan đến việc tham gia Hội đồng điều phối vùng, trách nhiệm về việc di dời.

Điều 49. Trách nhiệm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc Vùng Thủ đô

Bổ sung: trách nhiệm liên kết Vùng Thủ đô: trách nhiệm phát triển hạ tầng của Vùng; trách nhiệm quản lý dân cư; trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm an ninh, trật tự cho Thủ đô.

Điều 50. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và Nhân dân Thủ đô

Kế thừa Điều 6, Điều 25 Luật Thủ đô năm 2012 và bổ sung một số quy định có liên quan.

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách nhà nước
3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công
4. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Điều 52. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực từ ngày.....tháng....năm .
2. Luật Thủ đô số: 25/2012/QH13 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực.

Điều 53. Quy định chuyển tiếp

1.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày... tháng... năm 2024.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI